

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
đã được kiểm toán



MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 – 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 – 05
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	06 – 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10 – 11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	12 – 52

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

Khái quát

Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng, trước đây là một doanh nghiệp nhà nước, được cổ phần hóa theo Quyết định số 3500/QĐ-BCN ngày 24 tháng 10 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp và hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0103011568 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội (nay là Sở Tài chính Thành phố Hà Nội) cấp lần đầu ngày 03 tháng 4 năm 2006 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 14 được cấp ngày 22 tháng 07 năm 2025.

Hoạt động chính của Công ty trong năm là:

- Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm cao su;
- Mua bán phụ tùng ô tô;
- Cho thuê cửa hàng, văn phòng, nhà xưởng, kho bãi;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, máy móc, thiết bị, hóa chất phục vụ cho ngành sản xuất công nghiệp cao su;
- Thương mại than.

Trụ sở chính của Công ty tại số 231 đường Nguyễn Trãi, phường Khương Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và Ban kiểm soát trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau :

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Hoàng Sơn	Chủ tịch
Ông Nguyễn Việt Hùng	Thành viên
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên
Ông Nguyễn Đình Sơn	Thành viên
Ông Lương Xuân Hoàng	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Nguyễn Việt Hùng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quang Hào	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Minh Tuấn	Kế toán trưởng

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Trung Hòa	Trưởng ban	
Ông Hoàng Văn Hòa	Thành viên	
Ông Nguyễn Quang Huy	Thành viên	Từ ngày 21/4/2025
Bà Vũ Thị Mai Nhung	Thành viên	Đến ngày 21/4/2025

Người đại diện theo pháp luật trong năm và đến ngày lập báo cáo này

Ông Phạm Hoàng Sơn	Chủ tịch
Ông Nguyễn Việt Hùng	Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Số 231 đường Nguyễn Trãi, phường Khương Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

Kiểm toán viên

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán NVA đã kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025 cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty phê chuẩn và cam kết rằng Báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Ông Nguyễn Việt Hùng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 06 tháng 3 năm 2026

Số : 22.05.1.2/25/BCTC/NVA.CNHN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các cổ đông
Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng, được lập ngày 06 tháng 3 năm 2026, từ trang 06 đến trang 52, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Lãnh đạo cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Báo cáo kiểm toán độc lập (tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này tại ngày 11 tháng 3 năm 2025.

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán NVA

Phó Giám đốc



Nguyễn Hải Linh

Số giấy CNDKHN Kiểm toán: 3407-2025-152-1

Kiểm toán viên

Đỗ Thị Minh Duyên

Số giấy CNDKHN Kiểm toán: 5664-2023-152-1

Hà Nội, ngày 06 tháng 3 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Số 231 đường Nguyễn Trãi, phường Khương Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢO CÁO TÀI CHÍNH**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		775.180.694.485	549.126.282.887
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	31.713.845.250	29.711.953.512
1. Tiền	111		19.713.845.250	14.711.953.512
2. Các khoản tương đương tiền	112		12.000.000.000	15.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		465.485.071.187	235.235.110.511
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	471.808.212.752	238.217.156.220
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	743.986.201	720.135.153
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hoạt động xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	6.123.376.887	5.921.919.771
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(13.190.504.653)	(9.624.100.633)
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	270.360.302.626	250.315.400.799
1. Hàng tồn kho	141		271.173.063.421	251.291.699.609
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(812.760.795)	(976.298.810)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		7.621.475.422	33.863.818.065
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	1.449.755.033	949.024.039
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		512.452.621	1.952.962.417
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	V.16	5.659.267.768	30.961.831.609
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Số 231 đường Nguyễn Trãi, phường Khương Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		566.201.432.775	659.813.031.320
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2.013.000.000	97.823.430.950
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5	2.013.000.000	97.823.430.950
II. Tài sản cố định	220		46.379.013.255	48.295.006.758
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	31.095.616.333	31.792.162.129
- Nguyên giá	222		694.427.513.831	682.879.204.189
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(663.331.897.498)	(651.087.042.060)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.11	5.177.622.570	13.104.992.707
- Nguyên giá	225		8.751.338.606	20.124.700.342
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(3.573.716.036)	(7.019.707.635)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	10.105.774.352	3.397.851.922
- Nguyên giá	228		10.335.112.352	3.615.723.022
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(229.338.000)	(217.871.100)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.12	5.507.948.207	2.065.608.864
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		5.507.948.207	2.065.608.864
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	509.648.027.705	508.505.488.913
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		505.000.000.000	505.000.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		8.444.062.358	8.444.062.358
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(3.796.034.653)	(4.938.573.445)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		2.653.443.608	3.123.495.835
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	2.653.443.608	3.123.495.835
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.341.382.127.260	1.208.939.314.207

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Số 231 đường Nguyễn Trãi, phường Khương Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		774.011.203.102	633.884.449.885
I. Nợ ngắn hạn	310		620.836.712.221	482.034.437.507
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	92.039.014.182	148.253.168.523
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	10.073.444.486	42.545.325.913
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	5.615.346.310	329.996.742
4. Phải trả người lao động	314		19.504.446.148	22.004.103.842
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	6.247.141.610	3.746.675.146
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.19	20.833.331	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	3.110.815.533	5.725.515.452
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.13	470.997.604.774	255.679.533.163
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.20	446.256.207	659.085.638
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		12.781.809.640	3.091.033.088
II. Nợ dài hạn	330		153.174.490.881	151.850.012.378
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.18	143.500.000.000	143.500.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.13	2.674.490.881	2.115.557.255
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		7.000.000.000	6.234.455.123
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	V.21	567.370.924.158	575.054.864.322
I. Vốn chủ sở hữu	410		567.370.924.158	575.054.864.322
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		280.657.650.000	280.657.650.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		280.657.650.000	280.657.650.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần			3.605	3.605
5. Cổ phiếu quỹ	415		(23.970.000)	(23.970.000)
8. Quỹ đầu tư phát triển			162.326.715.944	116.834.693.289
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		124.410.524.609	177.586.487.428
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		99.791.186.421	25.946.411.910
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		24.619.338.188	151.640.075.518
II. Nguồn kinh phí	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.341.382.127.260	1.208.939.314.207

Người lập biểu



Lê Lan Phương

Kế toán trưởng



Trần Minh Tuấn

Tổng Giám đốc




Nguyễn Việt Hùng

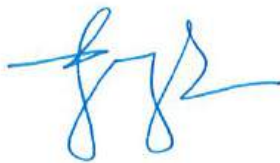
Hà Nội, ngày 06 tháng 3 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Số 231 đường Nguyễn Trãi, phường Khương Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**Năm 2025***Đơn vị tính: VND*

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.490.284.526.110	1.063.350.074.195
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	34.488.525.017	35.570.201.845
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.455.796.001.093	1.027.779.872.350
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	1.311.902.895.980	881.653.342.717
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		143.893.105.113	146.126.529.633
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	3.068.112.409	5.260.102.768
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	25.626.703.813	24.273.955.878
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		20.544.834.413	15.350.281.706
8. Chi phí bán hàng	25	VI.8	30.612.760.815	35.471.024.400
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.9	66.062.213.340	63.611.727.491
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		24.659.539.554	28.029.924.632
11. Thu nhập khác	31	VI.6	7.695.990.154	306.883.950.654
12. Chi phí khác	32	VI.7	29.471.239	144.249.052.353
13. Lợi nhuận khác	40		7.666.518.915	162.634.898.301
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		32.326.058.469	190.664.822.933
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.11	7.706.720.281	39.024.747.415
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		24.619.338.188	151.640.075.518
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.12	877	4.852
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.12	877	4.852

Người lập biểu**Lê Lan Phương****Kế toán trưởng****Trần Minh Tuấn****Tổng Giám đốc****Nguyễn Việt Hùng**

Hà Nội, ngày 06 tháng 3 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Số 231 đường Nguyễn Trãi, phường Khương Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2025

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		32.326.058.469	190.664.822.933
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		9.666.216.696	10.307.684.973
- Các khoản dự phòng	03		2.047.497.782	(971.635.676)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(60.256.499)	(844.774.784)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(347.837.236)	(163.071.526.358)
- Chi phí lãi vay	06		20.544.834.413	15.350.281.706
- Các khoản điều chỉnh khác	07		765.544.877	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		64.942.058.502	51.434.852.794
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(114.600.677.106)	44.754.164.592
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(19.881.363.812)	(20.313.376.735)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(91.983.615.465)	(57.347.589.198)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(30.678.767)	2.580.979.934
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(20.398.402.413)	(15.283.881.706)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(71.051.162.745)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(5.574.481.000)	(3.533.221.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(187.527.160.061)	(68.759.234.064)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(9.784.381.461)	(3.655.358.089)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	300.799.569.173
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(10.500.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	10.500.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.828.412.739	1.709.933.867
Lưu chuyển tiền thuần hoạt động đầu tư	30		(7.955.968.722)	298.854.144.951

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Số 231 đường Nguyễn Trãi, phường Khương Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		1.291.829.067.924	794.678.938.610
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(1.074.679.908.111)	(1.008.504.687.792)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(2.834.268.434)	(2.825.736.660)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(16.829.128.997)	(16.795.136.460)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		197.485.762.382	(233.446.622.302)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		2.002.633.599	(3.351.711.415)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		29.711.953.512	33.058.394.306
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(741.861)	5.270.621
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	31.713.845.250	29.711.953.512

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Lê Lan Phương



Trần Minh Tuấn



Nguyễn Việt Hùng

Hà Nội, ngày 06 tháng 3 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Số 231 đường Nguyễn Trãi, phường Khương Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2025

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng, trước đây là một doanh nghiệp nhà nước, được cổ phần hóa theo Quyết định số 3500/QĐ-BCN ngày 24 tháng 10 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp và hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0103011568 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội (nay là Sở Tài chính Thành phố Hà Nội) cấp lần đầu ngày 03 tháng 4 năm 2006 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 14 được cấp ngày 22 tháng 7 năm 2025.

Trụ sở chính của Công ty tại số 231 đường Nguyễn Trãi, phường Khương Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất và thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm cao su;
- Mua bán phụ tùng ô tô;
- Cho thuê cửa hàng, văn phòng, nhà xưởng, kho bãi;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, máy móc, thiết bị, hóa chất phục vụ cho ngành sản xuất công nghiệp cao su;
- Thương mại than.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

5. Các đặc điểm hoạt động quan trọng của Công ty trong năm

Không có sự kiện hay hoạt động kinh doanh bất thường nào có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của Công ty.

6. Cấu trúc doanh nghiệp

Số lượng nhân viên của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 là: 715 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 745 người).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có các chi nhánh phụ thuộc như sau:

Chi nhánh	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng tại Thái Bình	Đường Trần Thủ Độ, phường Thái Bình, Hưng Yên
Chi nhánh Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng tại thành phố Đà Nẵng	Quốc lộ 1A, phường Hòa Xuân, thành phố Đà Nẵng

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Số 231 đường Nguyễn Trãi, phường Khương Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Trong năm Công ty không có thay đổi về chính sách kế toán so với năm trước nên không có ảnh hưởng đến khả năng so sánh của các thông tin trên Báo cáo tài chính.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Trường hợp hợp đồng không quy định cụ thể tỷ giá thanh toán:

+ Đối với nợ phải thu: Tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

+ Đối với nợ phải trả: Tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

+ Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

+ Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: Tỷ giá mua của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

+ Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: Tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Số 231 đường Nguyễn Trãi, phường Khương Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm sau khi được bù trừ chênh lệch tăng với chênh lệch giảm được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

a. Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

b. Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

c. Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Dự phòng giảm giá khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào thời điểm kết thúc năm tài chính lập Báo cáo tài chính.

Chênh lệch tăng hoặc giảm dự phòng các khoản đầu tư được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.

- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến tồn thất có thể xảy ra hoặc không có khả năng thu hồi vào ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản phải thu được trình bày ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: Bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Số 231 đường Nguyễn Trãi, phường Khương Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Thành phẩm: Bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: Bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho cuối năm trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định hữu hình, vô hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chi được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Khấu hao tài sản được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)	
	Năm nay	Năm trước
Nhà cửa vật kiến trúc	03 – 22	03 – 22
Máy móc thiết bị	02 – 12	02 – 12
Phương tiện vận tải	03 – 10	03 – 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 – 06	03 – 06
Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất có thời hạn	50	50
Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất lâu dài	Không khấu hao	Không khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định và thời gian khấu hao được xác định theo thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các quy định khác.

7. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định thuê tài chính

Nguyên giá của tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận bằng giá trị hợp lý của tài sản thuê hoặc là giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng với các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính.

Tài sản cố định thuê tài chính được trích khấu hao như tài sản cố định của Công ty. Đối với tài sản cố định thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của tài sản thuê.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Số 231 đường Nguyễn Trãi, phường Khương Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

10. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất kinh doanh phải trích trước;
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

11. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ thuê tài chính

Công ty phải theo dõi chi tiết kỳ hạn phải trả của các khoản vay và nợ thuê tài chính. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính Báo cáo tài chính trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

12. Nguyên tắc ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc năm tài chính.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở năm tài chính trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở năm báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí kinh doanh trong năm trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong năm.

13. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước là số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Số 231 đường Nguyễn Trãi, phường Khương Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ hoặc doanh thu hoạt động tài chính theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

14. Nguyên tắc ghi nhận quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp để xác định kết quả kinh doanh trong năm. Việc trích lập và sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp phải tuân thủ theo các quy định của pháp luật.

15. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội Đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm, nghị quyết Hội đồng quản trị và thông báo chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm lưu ký chứng khoán được xác lập.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.

Các quỹ khác

Các quỹ khác được trích lập và sử dụng theo Điều lệ của Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn hàng năm.

16. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu như sau:

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Số 231 đường Nguyễn Trãi, phường Khương Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể thì doanh thu chỉ ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động cho thuê tài sản

Doanh thu cho thuê hoạt động phải được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn cho thuê, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán.

Khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động được theo dõi theo thời gian đã thanh toán.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể thì doanh thu chỉ ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng năm.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được Công ty ghi nhận khi được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Các khoản giảm trừ doanh thu

Khoản mục này dùng để phản ánh các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm là hàng bán bị trả lại. Tài khoản này không phản ánh các khoản thuế được giảm trừ vào doanh thu như thuế GTGT đầu ra phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp.

Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau:

- Hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh;

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Số 231 đường Nguyễn Trãi, phường Khương Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến kỳ sau mới phát sinh hàng bán bị trả lại thì doanh nghiệp được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

+ Nếu sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến kỳ sau bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính, kế toán phải coi đây là một sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán và ghi giảm doanh thu, trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (năm trước).

+ Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ bị trả lại sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì doanh nghiệp ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

17. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán và cung cấp trong năm.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo nguyên tắc thận trọng.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho sẽ được hạch toán ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

18. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí đi vay vốn, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ tỷ giá hối đoái, ...

19. Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển, ...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp, ...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ, ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, ...).

20. Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

21. Báo cáo bộ phận

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc một bộ phận theo khu vực địa lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Số 231 đường Nguyễn Trãi, phường Khương Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

22. Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Nợ phải trả tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau ngày ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

23. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan được trình bày ở thuyết minh số VIII.2.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Tiền mặt	736.881.743	1.144.061.226
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	18.976.963.507	13.567.892.286
Các khoản tương đương tiền (*)	12.000.000.000	15.000.000.000
Cộng	31.713.845.250	29.711.953.512

(*): Đây là các khoản tiền gửi tại ngân hàng, có kỳ hạn gốc 1 tháng và hưởng lãi suất 4,2 - 4,5%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Số 231 đường Nguyễn Trãi, phường Khương Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)****2. Các khoản đầu tư tài chính****Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác***Đơn vị tính: VND*

	Cuối năm				Đầu năm			
	% sở hữu/biểu quyết	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	% sở hữu/biểu quyết	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào Công ty liên kết		505.000.000.000	(2.959.590.804)			505.000.000.000	(3.625.675.024)	
Công ty Cổ phần Sao Vàng – Hoành Sơn ⁽ⁱ⁾	30,6%	375.000.000.000	(1.623.589.689)	(*)	30,6%	375.000.000.000	(1.623.589.689)	(*)
Công ty TNHH Sao Vàng – Hoành Sơn ⁽ⁱⁱⁱ⁾	26,0%	130.000.000.000	(1.336.001.115)	(*)	26,0%	130.000.000.000	(2.002.085.335)	(*)
Đầu tư vào đơn vị khác		8.444.062.358	(836.443.849)			8.444.062.358	(1.312.898.421)	
Công ty Cổ phần Philips Carbon Black Việt Nam	7,0%	8.444.062.358	(836.443.849)	(*)	7,0%	8.444.062.358	(1.312.898.421)	(*)
Tổng		513.444.062.358	(3.796.034.653)			513.444.062.358	(4.938.573.445)	

Biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	Năm nay VND
Số dư đầu năm	4.938.573.445
Trích lập trong năm	-
Hoàn nhập trong năm	1.142.538.792
Số dư cuối năm	3.796.034.653

(*): Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này do không có giá niêm yết/giá tham chiếu trên thị trường. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(i): Theo Biên bản họp Hội đồng Quản trị số 11A/BB-HĐQT ngày 12/02/2025 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 11B/NQ-HĐQT ngày 12/02/2025 của Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng thì Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng vẫn tiếp tục duy trì/ nắm giữ khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Sao Vàng – Hoành Sơn. Theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 04-2025/BB-HĐQT ngày 21/4/2025 và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 01-2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/4/2025 của Công ty Cổ phần Sao Vàng – Hoành Sơn thì Công ty Cổ phần Sao Vàng – Hoành Sơn sẽ triển khai các bước/thủ tục để thực hiện các dự án trong thời hạn 5 năm từ năm 2025 đến năm 2029, cụ thể như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Số 231 đường Nguyễn Trãi, phường Khương Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Đã triển khai xin cấp phép thực hiện dự án nhà máy sản xuất lốp ô tô Radial tại tỉnh Hà Tĩnh nhưng chưa được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chấp thuận. Công ty Cổ phần Sao Vàng – Hoàng Sơn tiếp tục hoàn thiện hồ sơ Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi triển khai thực hiện dự án để xin Nhà nước cấp phép;
- Hợp tác với Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàng Sơn triển khai thực hiện dự án tại khu đất 2.698,8 m² có địa chỉ tại số 261 Vũ Tông Phan, phường Khương Đình, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội của Công ty Cổ phần Cao su Sao vàng;
- Hợp tác với Công ty Cổ phần Tư vấn và Dịch vụ Kỹ thuật Điện nhận chuyển nhượng/sử dụng hợp pháp thửa đất có tổng diện tích 8.128,6 m², bao gồm 7.353,5 m² đất ngoài chỉ giới và 775,1 m² đất nằm trong chỉ giới mở đường theo quy hoạch có địa chỉ tại số 64 đường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội;
- Mua lại Quyền sử dụng đất với diện tích khoảng 30 ha của Công ty TNHH Phonesack Việt Nam tại khu Công nghiệp phụ trợ, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

Ngoài ra, theo Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 04-2025/BB-HĐQT ngày 21/4/2025 và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 01-2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/4/2025 của Công ty Cổ phần Sao Vàng – Hoàng Sơn thì Công ty Cổ phần Sao Vàng – Hoàng Sơn đã thông qua chủ trương chia cổ tức năm 2025 từ nguồn lợi nhuận năm 2025 bằng tiền: 5%/ giá trị vốn góp cho cổ đông Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng.

(ii): Theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 18/2016/HĐHTĐT/SRC-HS ngày 15 tháng 6 năm 2016 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàng Sơn, các bên đã đồng ý thành lập Công ty TNHH Sao Vàng – Hoàng Sơn để thực hiện dự án “Tổ hợp Thương mại và Nhà ở Sao Vàng – Hoàng Sơn” tại số 231 đường Nguyễn Trãi, phường Khương Đình, thành phố Hà Nội. Vốn điều lệ của Công ty TNHH Sao Vàng – Hoàng Sơn theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần 2 ngày 27/5/2022 là 500.000.000.000 đồng, trong đó Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng góp 130.000.000.000 đồng, tương ứng tỷ lệ sở hữu là 26%. Hiện tại, Công ty TNHH Sao Vàng – Hoàng Sơn đang triển khai thực hiện dự án.

Các giao dịch chủ yếu phát sinh trong năm giữa Công ty với các công ty liên kết: Chi tiết trình bày tại thuyết minh VIII.2.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Số 231 đường Nguyễn Trãi, phường Khương Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****3. Phải thu khách hàng**

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Công ty TNHH Thương mại Tổng hợp và Vận tải Quốc tế Hoàn Sơn	-	83.841.817.500
Công ty Cổ phần Thương mại và Xuất nhập khẩu Việt Nam	387.285.428.580	62.316.529.740
Các đối tượng khác	84.522.784.172	92.058.808.980
Cộng	471.808.212.752	238.217.156.220

b. Phải thu khách hàng là bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh VIII.2.

Công ty đã thế chấp 50% giá trị quyền tài sản phát sinh từ các hợp đồng kinh tế với các bên có nghĩa vụ thanh toán với Công ty để đảm bảo cho các khoản vay như đã trình bày ở thuyết minh số V.13.

4. Trả trước cho người bán

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Tư vấn Công nghệ Thiết bị và Kiểm định Xây dựng - Coninco	378.000.000	-
Công ty TNHH Tư vấn và Xây dựng Môi trường Nhật Minh	134.951.600	134.951.600
Các đối tượng khác	231.034.601	585.183.553
Cộng	743.986.201	720.135.153

5. Phải thu khác

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Tạm ứng	1.650.000.000	-
Ký quỹ, ký cược	307.938.135	610.060.278
Phải thu khác	4.165.438.752	5.311.859.493
- <i>Lãi dự thu</i>	<i>25.511.868</i>	<i>1.506.087.371</i>
- <i>Công ty Cổ phần Philips Black Carbon Việt Nam</i>	<i>2.966.978.675</i>	<i>2.966.978.675</i>
- <i>Các đối tượng khác</i>	<i>1.172.948.209</i>	<i>838.793.447</i>
Cộng	6.123.376.887	5.921.919.771
b. Dài hạn		
Ký quỹ, ký cược	2.013.000.000	97.823.430.950
Cộng	2.013.000.000	97.823.430.950

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Số 231 đường Nguyễn Trãi, phường Khương Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)****6. Nợ xấu**

Đơn vị tính: VND

	Cuối năm			Đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi
Ngắn hạn						
Phải thu khách hàng	23.535.639.661	10.223.525.978	13.312.113.683	8.639.416.958	6.657.121.958	1.982.295.000
Công ty TNHH Phát triển và Vận tải Lào - Việt Nam	17.977.092.210	5.393.127.663	12.583.964.547	-	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư 981	1.090.733.584	763.513.509	327.220.075	1.090.733.584	1.090.733.584	-
Công ty TNHH Nam Tiến	-	-	-	2.831.850.000	849.555.000	1.982.295.000
Bà Nguyễn Thị Hương	2.208.428.046	2.208.428.046	-	2.208.428.046	2.208.428.046	-
Các đối tượng khác	2.259.385.821	1.858.456.760	400.929.061	2.508.405.328	2.508.405.328	-
Phải thu khác	2.966.978.675	2.966.978.675	-	2.966.978.675	2.966.978.675	-
Công ty Cổ phần Philips	2.966.978.675	2.966.978.675	-	2.966.978.675	2.966.978.675	-
Carbon Black Việt Nam	-	-	-	-	-	-
Cộng	26.502.618.336	13.190.504.653	13.312.113.683	11.606.395.633	9.624.100.633	1.982.295.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Số 231 đường Nguyễn Trãi, phường Khương Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)****7. Hàng tồn kho**

Đơn vị tính: VND

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	5.653.351.682	-	1.910.925.768	-
Nguyên liệu, vật liệu	115.719.893.707	-	132.424.692.992	-
Công cụ, dụng cụ	2.041.593.825	-	2.388.412.028	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	9.525.566.916	-	10.167.740.955	-
Thành phẩm	137.531.942.972	(807.827.444)	103.422.784.358	(974.286.659)
Hàng hóa	195.010.909	-	11.549.979	-
Hàng gửi đi bán	505.703.410	(4.933.351)	965.593.529	(2.012.151)
Cộng	271.173.063.421	(812.760.795)	251.291.699.609	(976.298.810)

Công ty đã sử dụng toàn bộ hàng tồn kho luân chuyển tại Chi nhánh Thái Bình và 50% hàng tồn kho, bán thành phẩm, thành phẩm tại số 231 đường Nguyễn Trãi, phường Khương Đình, thành phố Hà Nội làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng như trình bày tại Thuyết minh số V.13.

8. Chi phí trả trước

	Cuối năm	Đầu năm
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Bảo hiểm cháy nổ	410.861.840	271.208.684
Chi phí thuê biển quảng cáo	959.429.102	422.554.370
Chi phí L/C	-	125.354.527
Các chi phí khác	79.464.091	129.906.458
Cộng	1.449.755.033	949.024.039
b. Dài hạn		
Giá trị công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	2.653.443.608	2.995.162.502
Các chi phí khác	-	128.333.333
Cộng	2.653.443.608	3.123.495.835

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Số 231 đường Nguyễn Trãi, phường Khương Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ Quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	116.343.220.590	511.132.266.210	54.617.269.482	786.447.907	682.879.204.189
Số tăng trong năm	714.132.863	11.690.062.736	-	-	12.404.195.599
- Mua trong năm	714.132.863	299.103.000	-	-	1.013.235.863
- Mua lại tài sản thuê tài chính	-	11.390.959.736	-	-	11.390.959.736
Số giảm trong năm	(855.885.957)	-	-	-	(855.885.957)
- Thanh lý, nhượng bán	(855.885.957)	-	-	-	(855.885.957)
Số dư cuối năm	116.201.467.496	522.822.328.946	54.617.269.482	786.447.907	694.427.513.831
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	101.150.749.710	506.258.187.316	42.891.657.127	786.447.907	651.087.042.060
Số tăng trong năm	1.778.319.082	9.533.136.677	1.789.285.636	-	13.100.741.395
- Khấu hao trong năm	1.778.319.082	3.325.011.225	1.789.285.636	-	6.892.615.943
- Hao mòn mua lại tài sản thuê tài chính	-	6.208.125.452	-	-	6.208.125.452
Số giảm trong năm	(855.885.957)	-	-	-	(855.885.957)
- Thanh lý, nhượng bán	(855.885.957)	-	-	-	(855.885.957)
Số dư cuối năm	102.073.182.835	515.791.323.993	44.680.942.763	786.447.907	663.331.897.498
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	15.192.470.880	4.874.078.894	11.725.612.355	-	31.792.162.129
Tại ngày cuối năm	14.128.284.661	7.031.004.953	9.936.326.719	-	31.095.616.333

Tại ngày ngày 31 tháng 12 năm 2025, nguyên giá tài sản cố định hữu hình hết khấu hao còn sử dụng là 626.372.082.874 đồng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 187.086.564.062 đồng và 254.219.342 đồng đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội và Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Đa (xem thuyết minh V.13).

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Số 231 đường Nguyễn Trãi, phường Khương Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, phần tài sản nằm trên khu đất tại địa chỉ 231 đường Nguyễn Trãi, phường Khương Đình, thành phố Hà Nội (tài sản phải thanh lý, phá bỏ và di dời lên số 484 đường Nguyễn Văn Linh, phường Xuân Hòa, tỉnh Phú Thọ trong giai đoạn từ cuối năm 2025 đến năm 2027) để trả lại mặt bằng khu đất phục vụ hợp tác thực hiện dự án “Tổ hợp Thương mại và Nhà ở Sao Vàng – Hoàng Sơn” tại số 231 đường Nguyễn Trãi, phường Khương Đình, thành phố Hà Nội (theo thuyết minh V.18)) có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là:

Tại ngày 31/12/2025	Nguyên giá	Giá trị còn lại
Nhà cửa, vật kiến trúc	81.353.903.373	2.663.803.400
Máy móc, thiết bị	453.755.425.865	6.256.616.558
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	47.733.786.485	9.750.592.194
Thiết bị dụng cụ quản lý	786.447.907	-
Tổng Cộng	583.629.563.630	18.671.012.152

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Số 231 đường Nguyễn Trãi, phường Khương Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất lâu dài	Quyền sử dụng đất có thời hạn	Cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	3.042.378.022 (*)	573.345.000	3.615.723.022
Số tăng trong năm	6.719.389.330	-	6.719.389.330
- Mua trong năm (**)	6.719.389.330	-	6.719.389.330
Số giảm trong năm	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Số dư cuối năm	9.761.767.352	573.345.000	10.335.112.352
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	217.871.100	217.871.100
Số tăng trong năm	-	11.466.900	11.466.900
- Khấu hao trong năm	-	11.466.900	11.466.900
Số giảm trong năm	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Số dư cuối năm	-	229.338.000	229.338.000
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	3.042.378.022	355.473.900	3.397.851.922
Tại ngày cuối năm	9.761.767.352	344.007.000	10.105.774.352

Công ty đã thế chấp quyền sử dụng đất ở Đà Nẵng để đảm bảo cho các khoản vay (xem thuyết minh V.13).

(*) Thông tin về đất như sau:

- Tờ bản đồ số KT03/3;
- Địa chỉ thửa đất: xã Hòa Châu, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng (nay là phường Hòa Xuân, thành phố Đà Nẵng);
- Diện tích: 2.475,0 m²;
- Mục đích sử dụng đất: Đất cơ sở sản xuất kinh doanh (xây dựng bãi xe và kho chứa hàng);
- Thời hạn sử dụng: lâu dài;
- Nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất.

(**) Thông tin về đất như sau:

- Thửa đất số 173, Tờ bản đồ số 16-A-II-d;
- Địa chỉ thửa đất: tổ 4 cụm 1, phường Hạ Đình, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội (nay là tổ 4 cụm 1, phường Khương Đình, thành phố Hà Nội);
- Diện tích: 45,5 m²;
- Loại đất: Đất ở đô thị.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Số 231 đường Nguyễn Trãi, phường Khương Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

11. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

	Máy móc, thiết bị	Cộng
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	20.124.700.342	20.124.700.342
Số tăng trong năm	-	-
- Thuê tài chính trong năm	-	-
Số giảm trong năm	(11.373.361.736)	(11.373.361.736)
- Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	(11.373.361.736)	(11.373.361.736)
Số dư cuối năm	8.751.338.606	8.751.338.606
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	7.019.707.635	7.019.707.635
Số tăng trong năm	2.762.133.853	2.762.133.853
- Khấu hao trong năm	2.762.133.853	2.762.133.853
Số giảm trong năm	(6.208.125.452)	(6.208.125.452)
- Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	(6.208.125.452)	(6.208.125.452)
Số dư cuối năm	3.573.716.036	3.573.716.036
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu năm	13.104.992.707	13.104.992.707
Tại ngày cuối năm	5.177.622.570	5.177.622.570

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, phần tài sản trên khu đất tại địa chỉ 231 đường Nguyễn Trãi, phường Khương Đình, thành phố Hà Nội (tài sản phải di dời lên số 484 đường Nguyễn Văn Linh, phường Xuân Hòa, tỉnh Phú Thọ trong giai đoạn từ cuối năm 2025 đến năm 2027) để trả lại mặt bằng khu đất phục vụ hợp tác thực hiện dự án “Tổ hợp Thương mại và Nhà ở Sao Vàng – Hoàn Sơn” tại số 231 đường Nguyễn Trãi, phường Khương Đình, thành phố Hà Nội (theo thuyết minh V.18)) có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là: 6.697.908.358 đồng và 3.667.619.750 đồng.

12. Tài sản dở dang dài hạn**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
- Mua sắm	2.302.914.625	-
- Xây dựng cơ bản	3.205.033.582	1.656.758.754
Xây dựng nhà kho, mở rộng nhà máy sản xuất tại Xuân Hòa	2.845.553.026	1.656.758.754
Dự án di dời nhà máy Cao su Sao vàng tại 231 Nguyễn Trãi	359.480.556	-
- Sửa chữa lớn	-	408.850.110
Cộng	5.507.948.207	2.065.608.864

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Số 231 đường Nguyễn Trãi, phường Khương Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính : VND

13. Vay và nợ thuê tài chính

	Cuối năm		Phát sinh trong kỳ		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay ngắn hạn	470.997.604.774	470.997.604.774	1.292.915.379.298	1.077.597.307.687	255.679.533.163	255.679.533.163
Vay ngân hàng	469.943.498.347	469.943.498.347	1.291.829.067.924	1.074.763.039.253	252.877.469.676	252.877.469.676
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Đa ^(a)	76.486.855.698	76.486.855.698	298.878.925.065	299.002.509.687	76.610.440.320	76.610.440.320
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Phúc Yên ^(b)	13.526.929.759	13.526.929.759	96.543.520.630	121.122.545.423	38.105.954.552	38.105.954.552
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội ^(c)	331.089.712.890	331.089.712.890	847.566.622.229	654.637.984.143	138.161.074.804	138.161.074.804
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng ^(d)	48.840.000.000	48.840.000.000	48.840.000.000	-	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả	1.054.106.427	1.054.106.427	1.086.311.374	2.834.268.434	2.802.063.487	2.802.063.487
Công ty Cho thuê tài chính TNHH BIDV - Sumi Trust ^(e)	366.264.419	366.264.419	224.060.886	2.301.069.946	2.443.273.479	2.443.273.479
Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam ^(f)	687.842.008	687.842.008	862.250.488	533.198.488	358.790.008	358.790.008
b. Vay dài hạn	2.674.490.881	2.674.490.881	2.216.340.000	1.657.406.374	2.115.557.255	2.115.557.255
Nợ thuê tài chính	2.674.490.881	2.674.490.881	2.216.340.000	1.657.406.374	2.115.557.255	2.115.557.255
Công ty Cho thuê tài chính TNHH BIDV - Sumi Trust ^(e)	-	-	-	224.060.886	224.060.886	224.060.886
Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam ^(f)	2.674.490.881	2.674.490.881	2.216.340.000	1.433.345.488	1.891.496.369	1.891.496.369
Cộng	473.672.095.655	473.672.095.655	1.295.131.719.298	1.079.254.714.061	257.795.090.418	257.795.090.418

(a) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Đa theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 360/2025/HDCVHM/NHCT126-CAOSUSAOVANG ngày 27/6/2025, mục đích là để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh sản phẩm cao su. Hạn mức là 150 tỷ đồng, thời hạn và lãi suất được quy định trên từng Giấy nhận nợ, nhưng tối đa không quá 06 tháng/Giấy nhận nợ. Lãi suất tại ngày 31/12/2025:

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Số 231 đường Nguyễn Trãi, phường Khương Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VND là 6,8%/năm, USD là 5,2 - 5,3%/năm. Số dư vay ngoại tệ tại ngày 31/12/2025 là 2.285.657,08 USD. Các tài sản thế chấp đảm bảo của khoản vay bao gồm:

- 50% quyền tài sản phát sinh từ các hợp đồng kinh tế với các bên có nghĩa vụ thanh toán với Công ty;
- Quyền sử dụng đất tại xã Hòa Châu, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng (nay là phường Hòa Xuân, thành phố Đà Nẵng).

(b) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Phúc Yên theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 06/2025/HĐCVHM/NHCT260-SRC ngày 30/06/2025, mục đích là để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh sản phẩm cao su. Hạn mức là 50 tỷ đồng, thời hạn duy trì hạn mức đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2026 và lãi suất được quy định trên từng Giấy nhận nợ, nhưng tối đa không quá 06 tháng/Giấy nhận nợ. Lãi suất tại ngày 31/12/2025 VND là 6,8%/năm. Các tài sản thế chấp đảm bảo khoản vay bao gồm:

- Toàn bộ hàng tồn kho tại chi nhánh Thái Bình, bao gồm sẫm, lốp các loại, nguyên vật liệu chính, nhiên liệu, vật tư phụ và các loại hàng hóa khác với giá trị tồn tại mọi thời điểm là 15 tỷ đồng;
- Các máy móc thiết bị tại công ty và phân xưởng luyện được nêu trong Hợp đồng thế chấp tài sản số 1206045/HĐTC ngày 15 tháng 11 năm 2006, Hợp đồng thế chấp tài sản số 1206034/HĐTC ngày 01 tháng 6 năm 2006.

(c) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2025/135074/HĐTD ngày 31/07/2025, mục đích là để bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh, mở L/C phục vụ hoạt động sản xuất sản phẩm cao su và hoạt động thương mại than. Hạn mức tối đa là 500 tỷ đồng trong đó hạn mức vay vốn, thời hạn cấp hạn mức đến hết ngày 31/7/2026, thời hạn và lãi suất được quy định trên từng Hợp đồng tín dụng cụ thể. Lãi suất tại ngày 31/12/2025 vay VND là 6,3 - 7%/năm, vay USD là 4,4%/năm. Số dư vay ngoại tệ tại ngày 31/12/2025 là 297.450 USD. Các tài sản thế chấp đảm bảo khoản vay bao gồm:

- Tài sản gắn liền với đất của Công ty tại 261 Vũ Tông Phan, quận Thanh Xuân, Hà Nội (nay là 261 Vũ Tông Phan, phường Khương Đình, Hà Nội); tại số 63, đường Nguyễn Bình Khiêm, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh (nay là số 63, đường Nguyễn Bình Khiêm, phường Tân Định, thành phố Hồ Chí Minh); tại thửa đất số 1, tờ bản đồ số 01/2012/TLĐC địa chỉ Phường Tiền Phong, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình (nay là phường Thái Bình, tỉnh Hưng Yên);
- Tài sản gắn liền với đất của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Vững Áng tại Khu nhà ở xã hội Căn hộ chiến sỹ Bộ Công An, số 282 Nguyễn Huy Tưởng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội (nay là số 282 Nguyễn Huy Tưởng, phường Thanh Xuân, thành phố Hà Nội) theo các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất sau:
 - + Số AA 01714638, Số vào sổ cấp GCN: VP 10454 VP đăng ký đất đai Hà Nội cấp ngày 23 tháng 4 năm 2025;
 - + Số AA 01714639, Số vào sổ cấp GCN: VP 10453 VP đăng ký đất đai Hà Nội cấp ngày 23 tháng 4 năm 2025;
 - + Số AA 01714642, Số vào sổ cấp GCN: VP 10456 VP đăng ký đất đai Hà Nội cấp ngày 23 tháng 4 năm 2025;
 - + Số AA 01714645, Số vào sổ cấp GCN: VP 10458 VP đăng ký đất đai Hà Nội cấp ngày 23 tháng 4 năm 2025;

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Số 231 đường Nguyễn Trãi, phường Khương Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- + Số AA 01714760, Số vào sổ cấp GCN: VP 10459 VP đăng ký đất đai Hà Nội cấp ngày 23 tháng 4 năm 2025;
 - 50% hàng tồn kho, bán thành phẩm, thành phẩm dùng để sản xuất, trao đổi, mua bán, cho thuê trong phạm vi hoạt động sản xuất, kinh doanh và hàng hóa trong kho tại địa chỉ số 231 Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội (nay là 231 Nguyễn Trãi, Phường Khương Đình, Thành phố Hà Nội).
- (d) Khoản vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng theo Hợp đồng cho vay hạn mức số BCLC-12376-01 ngày 15/12/2025, mục đích là để bổ sung vốn lưu động, phát hành L/C, phát hành bảo lãnh phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh sẫm lớp, thương mại than. Hạn mức là 300 tỷ đồng, thời hạn duy trì hạn mức đến hết ngày 15 tháng 12 năm 2026 và lãi suất được quy định trên từng Giấy nhận nợ, nhưng tối đa không quá 06 tháng/Giấy nhận nợ. Lãi suất tại ngày 31/12/2025 VND là 8,5%/năm. Các tài sản thế chấp đảm bảo khoản vay bao gồm:
- Quyền tài sản liên quan đến việc đầu tư, xây dựng phát triển Dự án Tổ hợp thương mại dịch vụ và nhà ở cao tầng có địa chỉ tại số 231 đường Nguyễn Trãi, phường Thượng Đình, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội (nay là số 231 đường Nguyễn Trãi, phường Khương Đình, thành phố Hà Nội);
 - Quyền đòi nợ hình thành trong tương lai và quyền đòi nợ đã hình thành được Ngân hàng chấp thuận;
 - Bảo lãnh cá nhân của ông Phạm Hoàng Sơn (Ban Lãnh đạo).
- (e) Khoản nợ thuê tài chính Công ty Cho thuê tài chính TNHH BIDV - Sumi Trust theo các hợp đồng vay sau:
- Theo Hợp đồng thuê tài chính số 21721000124/HĐCTTC ngày 11 tháng 5 năm 2021. Mục đích vay để thuê tài chính tài sản là máy ép suất fi250. Thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên và lãi suất vay là 6,9%/năm;
 - Theo Hợp đồng thuê tài chính số 21721000125/HĐCTTC ngày 11 tháng 5 năm 2021. Mục đích vay để thuê tài chính tài sản là hệ thống nạp dầu tự động. Thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên và lãi suất vay là 6,9%/năm;
 - Theo Hợp đồng thuê tài chính số 21721000126/HĐCTTC ngày 11 tháng 5 năm 2021. Mục đích vay để thuê tài chính tài sản là động cơ và tu xoáy chiều biến tần. Thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên và lãi suất vay là 6,9%/năm.
- (f) Khoản nợ thuê tài chính Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam theo các hợp đồng vay sau:
- Theo Hợp đồng thuê tài chính số 02.168/2023/TSC-CTTC ngày 25 tháng 12 năm 2023. Mục đích vay để thuê tài chính tài sản là máy nổi dầu sẫm xe máy. Thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên và lãi suất vay là 9,5%/năm;
 - Theo Hợp đồng thuê tài chính số 02.039/2024/TSC-CTTC ngày 30 tháng 5 năm 2024. Mục đích vay để thuê tài chính tài sản là máy đo lưu hóa cao su Rometer. Thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên và lãi suất vay là 9,5%/năm.
 - Theo Hợp đồng thuê tài chính số 02.024/2025/TSC-CTTC ngày 27 tháng 3 năm 2025. Mục đích vay để thuê tài chính tài sản là máy nổi dầu sẫm xe máy. Thời hạn vay là 60 tháng kể từ thời điểm nhận nợ và lãi suất vay là 9%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Số 231 đường Nguyễn Trãi, phường Khương Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)***Đơn vị tính : VND***Chi tiết thanh toán nợ thuê tài chính**

Đối tượng	Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả tiền lãi thuê	Trả nợ gốc
Công ty Cho thuê tài chính TNHH BIDV - Sumi Trust	2.203.840.892	118.227.362	2.301.069.946
Công ty Cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	759.656.352	226.457.864	533.198.488
Cộng	2.963.497.244	344.685.226	2.834.268.434

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Số 231 đường Nguyễn Trãi, phường Khương Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

14. Phải trả người bán

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Ngắn hạn				
Công ty TNHH Ô tô SAIC Hongyan	-	-	56.212.200.000	56.212.200.000
Công ty TNHH MTV Cao su Hà Tĩnh	16.746.115.050	16.746.115.050	10.877.456.100	10.877.456.100
Công ty TNHH MTV Cao su Quảng Trị	16.066.071.000	16.066.071.000	16.684.206.000	16.684.206.000
Công ty TNHH Kim Trường Phúc	13.361.998.198	13.361.998.198	13.185.364.997	13.185.364.997
Công ty Cổ phần Dệt Công nghiệp Hà Nội	7.786.670.919	7.786.670.919	9.646.333.138	9.646.333.138
Các đối tượng khác	38.078.159.015	38.078.159.015	41.647.608.288	41.647.608.288
Cộng	92.039.014.182	92.039.014.182	148.253.168.523	148.253.168.523

b. Phải trả người bán là bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh VIII.2.**15. Người mua trả tiền trước**

	Cuối năm	Đầu năm
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàn Sơn	-	31.087.674.319
Công ty Cổ phần Đầu tư New Construction	2.628.528.104	2.628.528.104
Các đối tượng khác	7.444.916.382	8.829.123.490
Cộng	10.073.444.486	42.545.325.913

b. Người mua trả tiền trước là bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh VIII.2.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Số 231 đường Nguyễn Trãi, phường Khương Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Đầu năm		Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Cuối năm	
	Phải thu	Phải nộp			Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	206.965.598	6.491.664.862	6.697.500.330	-	1.130.130
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	-	16.675.033.042	16.675.033.042	-	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	-	798.118.921	798.118.921	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	30.961.831.609	-	39.494.631.979	3.038.379.487	-	5.494.420.883
Thuế thu nhập cá nhân	-	123.031.144	852.878.713	856.114.560	-	119.795.297
Thuế đất, tiền thuê đất (*)	-	-	8.529.447.641	14.188.715.409	5.659.267.768	-
Các loại thuế khác	-	-	25.488.003	25.488.003	-	-
Phí, lệ phí và các khoản khác	-	-	5.440.156	5.440.156	-	-
Cộng	30.961.831.609	329.996.742	72.872.703.317	42.284.789.908	5.659.267.768	5.615.346.310

(*) Chi tiết số đã nộp tiền thuê đất trong năm gồm:

- Bù trừ thuế đất theo Quyết định số 163987/QĐ-HAN-KDT ngày 04 tháng 12 năm 2025: 13.231.671.471

- Nộp bằng tiền: 957.043.938

Cộng (VND) **14.188.715.409**

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Số 231 đường Nguyễn Trãi, phường Khương Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****17. Chi phí phải trả**

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Ngắn hạn		
Nghĩa vụ tài chính liên quan đến trách nhiệm tái chế nộp Quỹ Bảo vệ môi trường	4.188.720.609	2.155.063.590
Chi phí tiền điện	819.506.845	557.052.846
Chi phí lãi vay	491.032.000	344.600.000
Các khoản khác	747.882.156	689.958.710
Cộng	6.247.141.610	3.746.675.146

18. Phải trả khác

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	326.970.123	249.166.725
Bảo hiểm xã hội	-	954.480
Nhận ký quỹ, ký cược	505.726.000	3.389.497.355
Cổ tức lợi nhuận phải trả	1.126.793.761	1.117.901.958
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.151.325.649	967.994.934
Cộng	3.110.815.533	5.725.515.452
b. Dài hạn		
Các khoản phải trả, phải nộp khác	143.500.000.000	143.500.000.000
<i>Phải trả theo hợp đồng hợp tác đầu tư^(*)</i>	<i>143.500.000.000</i>	<i>143.500.000.000</i>
Cộng	143.500.000.000	143.500.000.000

(*) Theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 18/2016/HDHTĐT/SRC-HS ngày 15 tháng 6 năm 2016 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàng Sơn, các bên đã đồng ý thành lập Công ty TNHH Sao Vàng – Hoàng Sơn để thực hiện dự án “Tổ hợp Thương mại và Nhà ở Sao Vàng – Hoàng Sơn” tại số 231 đường Nguyễn Trãi, phường Khương Đình, thành phố Hà Nội. Cũng theo hợp đồng này, Công ty TNHH Sao Vàng – Hoàng Sơn sẽ chi trả và hỗ trợ Công ty các khoản kinh phí liên quan đến việc di dời nhà máy tại địa chỉ số 231 đường Nguyễn Trãi, phường Khương Đình, thành phố Hà Nội và đầu tư vào nhà máy mới với tổng số tiền là 435 tỷ đồng. Đến 31/12/2025, Công ty đã nhận được khoản kinh phí đợt 1 và đợt 2 từ Công ty TNHH Sao Vàng – Hoàng Sơn với tổng số tiền là 143,5 tỷ đồng. Theo quyết định Hội đồng quản trị số DD-01/QĐ-HĐQT ngày 12 tháng 6 năm 2025 phê duyệt về việc “Di dời nhà máy Cao Su Sao Vàng” tại số 231 đường Nguyễn Trãi, phường Khương Đình, thành phố Hà Nội, Công ty sẽ di dời cơ sở sản xuất của Công ty từ 231 Nguyễn Trãi lên Xuân Hòa, tỉnh Phú Thọ, thời gian dự kiến từ năm 2025 đến năm 2027.

c. Phải trả khác là bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh VIII.2.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Số 231 đường Nguyễn Trãi, phường Khương Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****19. Doanh thu chưa thực hiện**

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Ngắn hạn		
Doanh thu nhận trước	20.833.331	-
Cộng	20.833.331	-

20. Dự phòng phải trả

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Ngắn hạn		
Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa	446.256.207	659.085.638
Cộng	446.256.207	659.085.638

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Số 231 đường Nguyễn Trãi, phường Khương Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính : VND

21. Vốn chủ sở hữu**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Tại ngày 31/12/2023	280.657.650.000	3.605	(23.970.000)	108.014.502.579	54.701.336.990	443.349.523.174
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	151.640.075.518	151.640.075.518
Phân phối lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	8.820.190.710	(28.754.925.080)	(19.934.734.370)
- Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	8.820.190.710	(8.820.190.710)	-
- Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(2.940.063.570)	(2.940.063.570)
- Trích Quỹ khen thưởng ban quản lý điều hành	-	-	-	-	(156.650.000)	(156.650.000)
- Chia cổ tức	-	-	-	-	(16.838.020.800)	(16.838.020.800)
Tại ngày 31/12/2024	280.657.650.000	3.605	(23.970.000)	116.834.693.289	177.586.487.428	575.054.864.322
Tại ngày 31/12/2024	280.657.650.000	3.605	(23.970.000)	116.834.693.289	177.586.487.428	575.054.864.322
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	24.619.338.188	24.619.338.188
Phân phối lợi nhuận năm nay (*)	-	-	-	45.492.022.655	(77.795.301.007)	(32.303.278.352)
- Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	45.492.022.655	(45.492.022.655)	-
- Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(15.164.007.552)	(15.164.007.552)
- Trích Quỹ khen thưởng ban quản lý điều hành	-	-	-	-	(301.250.000)	(301.250.000)
- Chia cổ tức	-	-	-	-	(16.838.020.800)	(16.838.020.800)
Tại ngày 31/12/2025	280.657.650.000	3.605	(23.970.000)	162.326.715.944	124.410.524.609	567.370.924.158

(*) Phân phối lợi nhuận năm nay theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025 số 60/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21 tháng 4 năm 2025 của Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Số 231 đường Nguyễn Trãi, phường Khương Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Cuối năm VND	%	Đầu năm VND	%
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoành Sơn	140.932.900.000	50,22	140.932.900.000	50,22
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	101.041.150.000	36,00	101.041.150.000	36,00
Các cổ đông khác	38.659.630.000	13,77	38.659.630.000	13,77
Cổ phiếu quỹ	23.970.000	0,01	23.970.000	0,01
Cộng	280.657.650.000	100	280.657.650.000	100

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay VND	Năm trước VND
Vốn góp của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	280.657.650.000	280.657.650.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	280.657.650.000	280.657.650.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	16.838.020.800	16.838.020.800
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	<i>16.838.020.800</i>	<i>16.838.020.800</i>
- <i>Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận năm nay</i>	-	-

d) Cổ phiếu

	Cuối năm	Đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	28.065.765	28.065.765
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	28.065.765	28.065.765
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>28.065.765</i>	<i>28.065.765</i>
Số lượng cổ phiếu được mua lại	2.397	2.397
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>2.397</i>	<i>2.397</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	28.063.368	28.063.368
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>28.063.368</i>	<i>28.063.368</i>
- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.		

e) Các quỹ của Công ty

	Cuối năm	Đầu năm
Quỹ đầu tư phát triển	162.326.715.944	116.834.693.289
Cộng	162.326.715.944	116.834.693.289

22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	Cuối năm	Đầu năm
Ngoại tệ các loại		
- <i>USD</i>	<i>15.457,32</i>	<i>49.195,62</i>
- <i>RUB</i>	<i>9.821,11</i>	<i>6.398,11</i>

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Số 231 đường Nguyễn Trãi, phường Khương Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng hóa	673.913.352.646	192.445.447.986
Doanh thu bán thành phẩm	801.498.426.204	852.114.555.887
Doanh thu cung cấp dịch vụ	12.337.683.099	17.423.601.197
Doanh thu bán vật tư	2.241.321.730	1.096.002.300
Doanh thu khác	293.742.431	270.466.825
Cộng	1.490.284.526.110	1.063.350.074.195

Doanh thu với các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh VIII.2.**2. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chiết khấu thương mại	34.293.330.620	35.570.201.845
Hàng bán bị trả lại	195.194.397	-
Cộng	34.488.525.017	35.570.201.845

3. Giá vốn hàng bán

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn hàng hóa đã bán	644.533.797.522	189.162.073.354
Giá vốn thành phẩm đã bán	665.730.166.915	693.140.221.373
Giá vốn của vật tư đã bán	1.802.469.558	823.198.460
Các khoản ghi giảm giá vốn hàng bán	(163.538.015)	(1.472.150.470)
Cộng	1.311.902.895.980	881.653.342.717

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi	347.837.236	2.981.238.755
Lãi chênh lệch tỷ giá	2.720.275.173	2.278.864.013
Cộng	3.068.112.409	5.260.102.768

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Số 231 đường Nguyễn Trãi, phường Khương Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****5. Chi phí tài chính**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	20.544.834.413	15.350.281.706
Chiết khấu thanh toán	5.002.329.000	5.499.065.970
Lỗi chênh lệch tỷ giá	1.222.079.192	1.395.521.030
Trích lập (hoàn nhập) dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết và công ty khác	(1.142.538.792)	2.029.087.172
Cộng	25.626.703.813	24.273.955.878

6. Thu nhập khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập từ việc chuyển nhượng quyền thuê đất và sử dụng hạ tầng tại Khu công nghiệp Châu Sơn, Hà Nam	-	303.837.948.660
Hoàn nhập quỹ khoa học công nghệ năm 2020	6.234.455.123	-
Các khoản khác	1.461.535.031	3.046.001.994
Cộng	7.695.990.154	306.883.950.654

7. Chi phí khác

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí chuyển nhượng quyền thuê đất và sử dụng hạ tầng tại Khu công nghiệp Châu Sơn, Hà Nam	-	143.747.661.057
Các khoản khác	29.471.239	501.391.296
Cộng	29.471.239	144.249.052.353

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Số 231 đường Nguyễn Trãi, phường Khương Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****8. Chi phí bán hàng**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên	6.594.549.259	5.448.767.398
Chi phí vật liệu, bao bì	14.620.341	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.466.900	11.466.900
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.907.327.032	23.244.670.407
Chi phí quảng cáo	1.392.549.096	1.686.826.325
Chi phí bảo hành sản phẩm	1.881.815.407	3.129.885.295
Chi phí khác	1.810.432.780	1.949.408.075
Cộng	30.612.760.815	35.471.024.400

9. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	24.401.048.815	25.601.016.691
Chi phí vật liệu quản lý	1.256.946.614	-
Chi phí đồ dùng văn phòng	350.259.977	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.446.558.093	2.148.035.502
Tiền thuê đất, thuê đất	8.529.447.641	14.269.158.214
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.231.227.782	9.732.027.594
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	15.280.320.398	13.278.076.698
Chi phí dự phòng	3.566.404.020	(1.416.587.208)
Cộng	66.062.213.340	63.611.727.491

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	563.307.275.866	558.898.262.454
Chi phí nhân công	109.709.337.747	112.230.123.063
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.666.216.696	10.307.684.973
Chi phí dịch vụ mua ngoài	60.724.154.046	66.152.249.557
Chi phí khác	50.454.146.140	44.839.568.183
Chi phí dự phòng	3.190.036.574	(3.000.722.848)
Cộng	797.051.167.069	789.427.165.382

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Số 231 đường Nguyễn Trãi, phường Khương Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được xác định với thuế suất là 20% trên thu nhập chịu thuế.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Bảng ước tính mức thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành của doanh nghiệp được trình bày dưới đây:

	Năm nay VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	32.326.058.469
Các khoản điều chỉnh tăng, (giảm) lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế	
- Các khoản điều chỉnh tăng	6.207.542.934
+ <i>Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại khoản tiền và phải thu</i>	4.012.675.976
+ <i>Thu lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát không chuyên trách</i>	126.000.000
+ <i>Chi phí không được trừ</i>	2.068.866.958
- Các khoản điều chỉnh giảm	-
Tổng lợi nhuận tính thuế	38.533.601.403
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	7.706.720.281

12. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế	24.619.338.188	151.640.075.518
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận kế toán	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông	24.619.338.188	151.640.075.518
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ khen thưởng ban điều hành (*)	-	15.465.257.552
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	28.063.368	28.063.368
Lãi trên cổ phiếu		
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	877	4.852
- Lãi suy giảm trên cổ phiếu	877	4.852

Không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng suy giảm trong năm và đến ngày lập báo cáo này.

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025 số 60/NQ-DHĐCĐ ngày 21 tháng 4 năm 2025 của Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng.

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Không có thông tin

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Số 231 đường Nguyễn Trãi, phường Khương Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Thông tin sự kiện sau niên độ**

Đến 06/3/2026, Công ty đang tiếp tục thực hiện thanh lý, phá bỏ và di dời phần tài sản nằm trên khu đất tại địa chỉ 231 đường Nguyễn Trãi, phường Khương Đình, thành phố Hà Nội lên Xuân Hòa, tỉnh Phú Thọ (theo thuyết minh V.9 và thuyết minh V.11) để trả lại mặt bằng cho Công ty TNHH Sao Vàng – Hoàng Sơn (Công ty được thành lập để thực hiện dự án “Tổ hợp Thương mại và Nhà ở Sao Vàng – Hoàng Sơn” tại số 231 đường Nguyễn Trãi, phường Khương Đình, thành phố Hà Nội), thời gian dự kiến thực hiện từ cuối năm 2025 đến năm 2027.

Ngoài sự kiện nêu trên, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2025 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

2. Thông tin về các bên liên quan**2.1 Danh mục các bên liên quan**

Các bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàng Sơn	Công ty mẹ
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Sao Vàng – Hoàng Sơn	Công ty liên kết
Công ty TNHH Sao Vàng – Hoàng Sơn	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Thương mại Việt Anh	Công ty liên quan đến Chủ tịch Hội đồng quản trị
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Hà Nội	Công ty liên quan đến Chủ tịch Hội đồng quản trị
Công ty TNHH Thương mại Tổng hợp và Vận tải Quốc tế Hoàng Sơn	Công ty liên quan đến Chủ tịch Hội đồng quản trị
Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển Hoàng Sơn	Công ty liên quan đến Chủ tịch Hội đồng quản trị
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia rượu và Giải khát Sao Vàng	Công ty liên quan đến Chủ tịch Hội đồng quản trị

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Ban Kiểm soát và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

2.2 Giao dịch với bên liên quan

Trong năm, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Các bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch VND	
		Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàng Sơn	Bán hàng và cung cấp dịch vụ	198.101.328.073	24.507.442.849
	Chia cổ tức	8.455.974.000	8.455.974.000
	Trả cổ tức	8.455.974.000	8.455.974.000
	Trả gốc vay	-	130.000.000.000
	Bù trừ công nợ	-	7.000.000.000
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	Chia cổ tức	6.062.469.000	6.062.469.000
	Trả cổ tức	6.062.469.000	6.062.469.000
Công ty TNHH Thương mại Tổng hợp và Vận tải Quốc tế Hoàng Sơn	Bán hàng hóa	-	82.059.075.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia rượu và Giải khát Sao Vàng	Mua hàng hóa	-	52.159.091
Công ty TNHH Sao Vàng - Hoàng Sơn	Mua hàng hóa, dịch vụ	1.432.274.400	1.117.660.275

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Số 231 đường Nguyễn Trãi, phường Khương Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Các bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch VND	
		Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Hoàn Sơn	Mua hàng hóa, dịch vụ	-	1.872.000.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Thương mại Việt Anh	Mua hàng hóa, dịch vụ	960.000.000	660.000.000

Vào ngày kết thúc năm tài chính, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Phải thu khách hàng (TM V.3)	456.582.050	83.852.817.500
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàn Sơn	445.582.050	-
Công ty TNHH Thương mại Tổng hợp và Vận tải Quốc tế Hoàn Sơn	-	83.841.817.500
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Hà Nội	11.000.000	11.000.000
Phải trả người bán (TM V.14)	2.753.929.449	1.207.073.097
Công ty TNHH Sao Vàng - Hoàn Sơn	2.753.929.449	1.207.073.097
Người mua trả trước (TM V.15)	-	31.087.674.319
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàn Sơn	-	31.087.674.319
Phải trả ngắn hạn khác (TM V.18)	1.126.793.761	1.117.901.958
Cổ đông khác	1.126.793.761	1.117.901.958
Phải trả dài hạn khác (TM V.18)	143.500.000.000	143.500.000.000
Công ty TNHH Sao Vàng – Hoàn Sơn	143.500.000.000	143.500.000.000

Thu nhập và thù lao của Hội đồng Quản Trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng trong năm:

Họ tên	Chức danh	Năm nay VND	Năm trước VND
Thù lao Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc			
Ông Phạm Hoàn Sơn	Chủ tịch HĐQT	60.000.000	60.000.000
Ông Nguyễn Việt Hùng	Tổng Giám đốc, Thành viên HĐQT	48.000.000	48.000.000
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Phó Tổng Giám đốc, Thành viên HĐQT	48.000.000	48.000.000
Ông Nguyễn Đình Sơn	Thành viên HĐQT	48.000.000	48.000.000
Ông Lương Xuân Hoàng	Thành viên HĐQT	48.000.000	48.000.000
Ông Nguyễn Trung Hòa	Trưởng BKS	48.000.000	48.000.000
Ông Hoàng Văn Hòa	Thành viên BKS	30.000.000	30.000.000
Ông Nguyễn Quang Huy	Thành viên BKS (bổ nhiệm ngày 21 tháng 04 năm 2025)	20.000.000	-
Bà Vũ Thị Mai Nhung	Thành viên BKS (miễn nhiệm ngày 21 tháng 04 năm 2025)	10.000.000	30.000.000
Tổng cộng		360.000.000	360.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Số 231 đường Nguyễn Trãi, phường Khương Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Họ tên	Chức danh	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và Ban Kiểm soát			
Ông Nguyễn Việt Hùng	Tổng Giám đốc	631.039.400	640.921.200
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Phó Tổng Giám đốc	522.585.400	534.461.200
Ông Nguyễn Quang Hào	Phó Tổng Giám đốc	480.255.000	494.500.000
Ông Trần Minh Tuấn	Kế toán trưởng	475.315.000	479.780.000
Ông Nguyễn Trung Hòa	Trưởng Ban kiểm soát	384.572.860	321.839.315
Ông Hoàng Văn Hòa	Thành viên Ban kiểm soát	274.152.977	275.057.009
Tổng cộng		2.767.920.637	2.746.558.724

3. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Số 231 đường Nguyễn Trãi, phường Khương Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	Đơn vị tính: VND			
	Sản xuất	Thương mại	Lĩnh vực khác	Cộng
Từ 01/01/2025 đến 31/12/2025				
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	769.251.222.917	673.913.352.646	12.631.425.530	1.455.796.001.093
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	769.251.222.917	673.913.352.646	12.631.425.530	1.455.796.001.093
Chi phí bộ phận	671.410.934.516	640.491.961.464	-	1.311.902.895.980
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	97.840.288.401	33.421.391.182	12.631.425.530	143.893.105.113
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				96.674.974.155
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				47.218.130.958
Doanh thu hoạt động tài chính				3.068.112.409
Chi phí tài chính				25.626.703.813
Thu nhập khác				7.695.990.154
Chi phí khác				29.471.239
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				7.706.720.281
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				24.619.338.188
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	9.385.072.646	-	-	9.385.072.646
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	12.315.890.707	-	-	12.315.890.707

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Số 231 đường Nguyễn Trãi, phường Khương Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	Đơn vị tính: VND			
	Sản xuất	Thương mại	Lĩnh vực khác	Cộng
Từ 01/01/2024 đến 31/12/2024				
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	817.640.356.342	192.445.447.986	17.694.068.022	1.027.779.872.350
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	817.640.356.342	192.445.447.986	17.694.068.022	1.027.779.872.350
Chi phí bộ phận	698.265.955.817	183.387.386.900	-	881.653.342.717
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	119.374.400.525	9.058.061.086	17.694.068.022	146.126.529.633
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				99.082.751.891
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				47.043.777.742
Doanh thu hoạt động tài chính				5.260.102.768
Chi phí tài chính				24.273.955.878
Thu nhập khác				306.883.950.654
Chi phí khác				144.249.052.353
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				39.024.747.415
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				151.640.075.518
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	3.529.569.865	-	-	3.529.569.865
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	13.090.486.978	-	-	13.090.486.978
	Sản xuất	Thương mại	Lĩnh vực khác	Cộng
Số dư cuối năm				
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	323.207.078.583	405.733.352.105	3.748.544.913	732.688.975.601
- Tài sản không phân bổ				608.693.151.659
Tổng tài sản	323.207.078.583	405.733.352.105	3.748.544.913	1.341.382.127.260
- Nợ phải trả bộ phận	98.699.839.244	3.399.619.898	12.999.526	102.112.458.668
- Nợ phải trả không phân bổ				671.898.744.434
Tổng nợ phải trả	98.699.839.244	3.399.619.898	12.999.526	774.011.203.102

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Số 231 đường Nguyễn Trãi, phường Khương Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

	Sản xuất	Thương mại	Lĩnh vực khác	Cộng
Số dư đầu năm				
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	314.370.249.114	166.406.634.935	1.818.686.165	482.595.570.214
- Tài sản không phân bổ				726.343.743.993
Tổng tài sản	314.370.249.114	166.406.634.935	1.818.686.165	1.208.939.314.207
- Nợ phải trả bộ phận	97.478.225.643	93.307.270.217	12.998.576	190.798.494.436
- Nợ phải trả không phân bổ				443.085.955.449
Tổng nợ phải trả	97.478.225.643	93.307.270.217	12.998.576	633.884.449.885

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty có các khu vực địa lý kinh doanh ở trong lãnh thổ Việt Nam và ở ngoài lãnh thổ Việt Nam:

	Trong lãnh thổ Việt Nam	Ngoài lãnh thổ Việt Nam	Cộng
Từ ngày 01/01/2025 đến 31/12/2025			
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	1.354.170.310.044	101.625.691.049	1.455.796.001.093
Tổng giá trị còn lại của tài sản bộ phận			1.341.382.127.260
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác			9.385.072.646
Từ ngày 01/01/2024 đến 31/12/2024			
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	810.889.406.366	216.890.465.984	1.027.779.872.350
Tổng giá trị còn lại của tài sản bộ phận			1.208.939.314.207
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác			3.529.569.865

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách			
	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị sổ sách	Dự phòng	Giá trị sổ sách	Dự phòng
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	31.713.845.250	-	29.711.953.512	-
Phải thu khách hàng và phải thu khác	479.944.589.639	(13.190.504.653)	341.962.506.941	(9.624.100.633)
Đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-	-
Cộng	511.658.434.889	(13.190.504.653)	371.674.460.453	(9.624.100.633)

Đơn vị tính: VND

	Giá trị sổ sách	
	Cuối năm	Đầu năm
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả cho người bán	92.039.014.182	148.253.168.523
Vay và nợ	473.672.095.655	257.795.090.418
Chi phí phải trả	6.247.141.610	3.746.675.146
Các khoản phải trả khác	146.610.815.533	149.225.515.452
Cộng	718.569.066.980	559.020.449.539

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính do thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính. Thông tư 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng chưa đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả việc áp dụng giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

5. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng: Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với các khách hàng lớn. Trên cơ sở này, Công ty không có rủi ro tập trung về tín dụng. Tiền gửi ngân hàng: Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

6. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Thông tin thời hạn đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Số 231 đường Nguyễn Trãi, phường Khương Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

	Từ 01 năm trở xuống	Từ 01 năm đến 05 năm	Cộng
Cuối năm	572.394.576.099	146.174.490.881	718.569.066.980
Phải trả cho người bán	92.039.014.182	-	92.039.014.182
Vay và nợ	470.997.604.774	2.674.490.881	473.672.095.655
Chi phí phải trả	6.247.141.610	-	6.247.141.610
Các khoản phải trả khác	3.110.815.533	143.500.000.000	146.610.815.533
Đầu năm	413.404.892.284	145.615.557.255	559.020.449.539
Phải trả cho người bán	148.253.168.523	-	148.253.168.523
Vay và nợ	255.679.533.163	2.115.557.255	257.795.090.418
Chi phí phải trả	3.746.675.146	-	3.746.675.146
Các khoản phải trả khác	5.725.515.452	143.500.000.000	149.225.515.452

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

7. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: Rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các giao dịch trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty giám sát các rủi ro đối với các tài sản và nợ phải trả tài chính bằng ngoại tệ.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể hoặc nợ phải trả tài chính có lãi suất cố định.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

8. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

Số 231 đường Nguyễn Trãi, phường Khương Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam.

Người lập biểu



Lê Lan Phương

Kế toán trưởng



Trần Minh Tuấn

Tổng Giám đốc



Nguyễn Việt Hùng

Hà Nội, ngày 06 tháng 3 năm 2026